

## LÝ THƯỜNG KIỆT VỚI QUẢNG BÌNH

NGUYỄN VIỆT MẠCH

**L**ý Thường Kiệt quê ở phường Thái Hòa thuộc thành Thăng Long. Tên thật của ông là Ngô Tuấn, sinh năm 1019, con của một võ tướng. Do ông lập nhiều chiến công phá Tống, bình Chiêm, giữ vững bờ cõi phía Bắc, mở rộng biên giới phía Nam nên được vua Lý ban Quốc tính, đổi họ và tên thành Lý Thường Kiệt. Công lao của ông đối với triều Lý và đất nước Đại Việt thời bấy giờ là rất lớn. Lý Thường Kiệt cũng là người có công đầu đưa Quảng Bình trở về với Đại Việt, có kế hoạch phát triển và bình ổn vùng đất này.

Vào thời vua Lý Thánh Tông (1054-1072) nước Đại Việt có nguy cơ bị nhà Tống xâm lược. Nhà Tống đã liên kết với Chăm-pa ở phía Nam tiến công ta cả hai mặt Bắc và Nam.

Thời đó, Chăm-pa là một nước phân thịn, có biên giới phía Bắc là dãy núi Hoành Sơn và sông Linh Giang (sông Gianh ngày nay) hiểm trở, biên giới phía Nam là cuối tỉnh Bình Thuận ngày nay. Quân Chăm-pa thường xuyên quấy nhiễu châu Hoan làm cho phía Nam Đại Việt không mấy khi yên ổn.

Biết rõ âm mưu của hai nước Tống và Chăm-pa, vua Lý Thánh Tông quyết định: Trước hết phải bình định, không chê Chăm-pa ở phía Nam. Phía Nam yên mới tập trung phá cuộc xâm lược của quân Tống đang ráo riết chuẩn bị ở phía Bắc.

Ngày Mậu Tuất, tháng 2 năm Kỷ Dậu (24/2/1069), vua Lý hạ chiếu thân chinh dẹp Chăm-pa, cử Lý Thường Kiệt làm đại tướng tiên phong kiêm chức Nguyên soái, thống lĩnh 5 vạn quân (200 chiến thuyền, mỗi chiến thuyền 250 quan và lính) tiến vào Nam theo đường biển. Bấy ngày sau khi rời Thăng Long, đại quân vua Lý đến cửa Nam Giới (cửa Sốt thuộc đất Hà Tĩnh ngày nay). Năm ngày sau khi rời cửa Nam Giới, đại quân vua Lý đến cửa Nhật Lệ của Chăm-pa. Quân đi chậm là vì dọc

đường đi vua Lý 2 lần thấy rồng vàng xuất hiện, phải lễ tế rồng vàng.

Cửa Nhật Lệ là cửa bể thứ ba của Chăm-pa từ núi Hoành Sơn vào (không tính cửa Dinh và Lý Hòa vì thời ấy 2 cửa này không có tác dụng lắm trong chiến lược quân sự thời ấy).

Địa thế nước Chăm-pa rất đặc biệt. Một dải đất hẹp và dài, chẹt giữa biển và núi cao. Phía Bắc có núi Hoành Sơn, sông Linh Giang ngăn cản đường bộ từ Giao Chi vào. Dải đất hẹp ấy còn bị nhiều dãy núi chắn ngang đến bờ biển. Đó là núi Hải Vân phía nam Thuận Hóa và núi Thạch Tân ở nam Quảng Ngãi, núi Đại Lãnh ở nam Phú Yên. Các dãy núi xương sườn ấy ngăn thành những vùng đồng bằng mà ngày nay gọi là đồng bằng Bình - Trị - Thiên, đồng bằng Nam - Ngãi, đồng bằng Bình - Phú, đồng bằng Khánh - Thuận. Dân Chăm-pa chỉ cư trú ở các đồng bằng ấy. Giao thông với nhau giữa các vùng dân cư thời ấy thuận tiện nhất là đường biển. Vì thế, vua Chăm-pa chỉ để ít quân bộ phòng thủ ở Bồ Chính. Thủy quân tập trung ở Nhật Lệ. Sự phòng thủ của Chăm-pa cũng tập trung ở mặt biển, ở các cửa biển lớn. Cửa Nhật Lệ được chú trọng bố trí một lực lượng khá.

Khi đại quân nhà Lý đến hải phận Nhật Lệ thì thủy quân Chăm-pa xuất trận, chặn đánh dữ dội. Lý Thường Kiệt sai tướng Hoàng Kiệt tiến đánh. Quân Chăm-pa thua trận và tan vỡ gần hết lực lượng ở đây. Số còn lại chạy về kinh thành Phật Thệ (1).

Quân nhà Lý không đồ bộ xuống Bồ Chính - Địa Lý - Ma Linh vì mục đích của cuộc chinh phạt là phá kinh thành và bắt vua Chăm-pa. Cho nên đại quân tiếp tục khẩn trương tiến về phương Nam. Quân đi dọc bờ biển mà không bị quân Chăm-pa ngăn cản gì.

Bốn ngày sau khi rời cửa Nhật Lệ, vượt khỏi tràng cát Đại Trường Sa (vùng núi cát Quảng Ninh, Lệ Thủy, Vĩnh Linh, Gio Linh ngày nay).

Ngày Kỷ Ty, tháng 2 (tức 27/3/1069) quân nhà Lý vào thẳng cửa Tư Dung (cửa Tư Hiền ngày nay). Thời ấy chưa có cửa Thuận An. Lực lượng thủy quân của Chăm-pa ở đây không lớn cho nên quân nhà Lý cũng không bị cản trở gì. Sáu ngày sau khi rời cửa Tư Dung quân nhà Lý đến cửa Thị Nại.

Thành Phật Thệ (1) kinh đô Chăm-pa ngày ấy ở vào địa phận tỉnh Bình Định ngày nay. Quân nhà Lý dùng thuyền nhỏ đổ bộ lên bờ sông Tu Mao. Tướng Chăm-pa là Bô-bì-đà-la bày trận bên bờ sông. Lý Thường Kiệt và em là Lý Thường Hiến chia quân làm hai cánh đánh tạt sườn. Tướng Bô-bì-đà-la bị tử trận. Quân Chăm-pa chết khoảng 3 vạn lính. Chăm-pa đại bại. Tuy Lý Thánh Tông cầm quân, nhưng trận đại thắng này công lớn thuộc về Lý Thường Kiệt.

Nghe tin quân mình đại bại ở sông Tu Mao, vua Chăm-pa là Ru-đra-va (tức là Chế Củ) đem vợ con, bỏ thành chạy trốn về phía Nam. Thường Kiệt được lệnh đuổi bắt vua Chăm-pa. Cuộc đuổi bắt vua Chăm-pa kéo dài một tháng. Chế Củ chạy đến sát biên giới nước Chân Lạp. Nước Chân Lạp lại có thù với Chăm-pa nên không thể đến đó được. Vua Chăm-pa phải đầu hàng, chịu để cho Lý Thường Kiệt bắt.

Vua Lý kéo quân về đem theo vua Chăm-pa. Chế Củ xin dâng 3 châu Bố Chính, Địa Lý và Ma Linh (là Quảng Bình và hai huyện Vĩnh Linh, Gio Linh, tỉnh Quảng Trị ngày nay) để chuộc mạng. Vua Lý chấp nhận và thả Chế Củ về Chăm-pa. Quảng Bình, Vĩnh Linh và Gio Linh trở lại đất Đại Việt từ năm 1069.

Mặc dù cuộc chiến chinh giữa Đại Việt và Chăm-pa có đưa tới việc chiếm đất, nhưng mục đích của nó là tự vệ. Nhà Lý muốn giữ vững an ninh biên giới phía Nam, làm cho Chăm-pa suy yếu trước khi đối phó với nguy cơ giặc Tống xâm lược ở phía Bắc.

Năm 1074, năm năm sau khi Chế Củ mất ngôi vua, Ha-ri-va-man IV lên thay Chế Củ đã chống lại việc Chế Củ đầu hàng vua Lý, đem quân cướp lại đất 3 châu Bố Chính, Địa Lý và Ma Linh. Tháng 8 âm lịch năm 1075, vua Lý Nhân Tông (1072-1127) lại ra chiêu

chi cử Lý Thường Kiệt đưa quân đi chinh phạt Chăm-pa.

Lý Thường Kiệt đã áp dụng đúng chính sách của vua Lý Nhân Tông là vừa dùng sức mạnh quân sự đẩy lùi quân Chăm-pa vừa chăm lo đời sống Nhân dân, tăng sức dân để ổn định biên cương, mở rộng cương giới có hiệu quả. Sau khi đuổi quân Chăm-pa ra khỏi 3 châu, Lý Thường Kiệt đã vẽ bản đồ 3 châu, sửa đổi châu Bố Chính thành Bố Chính, Địa Lý thành Lâm Bình và Ma Linh thành Minh Linh, chiêu mộ dân châu Hoan, châu Ái của Đại Việt (Thanh - Nghệ - Tĩnh ngày nay) vào khai khẩn đất mới, tổ chức ra làng xóm mới, định liệu việc cai trị lâu dài (ngày nay giọng nói dân Quảng Bình, Quảng Trị phát âm tương tự dân Nghệ Tĩnh là từ lần di dân thời ấy - thế kỷ thứ XI).

Đây là cuộc chiêu dân lập làng, ấp, thôn, trang đầu tiên về mặt Nhà nước trong lịch sử Việt Nam. Rồi từ đó văn hóa Đại Việt phát triển xuống phương Nam.

Trong một bài viết của nhà nghiên cứu lịch sử, văn hóa Nguyễn Tú có trích dẫn ý kiến ông Cadiere (học giả người Pháp) từ sách “Địa lý lịch sử Quảng Bình” rằng: “Khi hưởng ứng chiếu di dân lập ấp của vua Lý Nhân Tông, nhiều người dân miền Bắc vào Nam lập nghiệp, phần lớn họ không dừng lại châu Bố Chính mà đi thẳng vào Lâm Bình là nơi đồng ruộng phì nhiêu. Thời ấy di dân hướng về nơi sản xuất lúa gạo là chủ yếu. Vì vậy mà Lâm Bình (Đồng Hới, Quảng Ninh, Lệ Thủy, Vĩnh Linh và Gio Linh ngày nay) được khai khẩn sớm. Ở châu Bố Chính (Bố Trạch, Quảng Trạch, Tuyên Hóa, Minh Hóa ngày nay) đời Lê Thánh Tông mới có đợt chiêu dân rộng lớn khác.

Dân châu Hoan, châu Ái di cư vào Lâm Bình thời ấy chủ yếu là đi đường biển. Vì đường bộ chưa có, chỉ có đường thủy là thuận lợi nhất, rẻ tiền nhất, đi được nhiều người một lúc nhờ thuyền của quân đội. Một võ quan quân đội vào Lâm Bình trấn giữ thì đưa người thân ruột thịt, bà con, gia sản vào luôn trên một thuyền chiến.

Lý Thường Kiệt đã xây dựng ba châu Bố

Chính, Lâm Bình và Minh Linh làm nơi phen dậu vững chắc để bảo vệ biên cương phía Nam Đại Việt. Khi hình thành thôn, ấp, làng, xã, huyện, châu, Lý Thường Kiệt đã áp dụng biện pháp thời xưa “Ngụ binh ư dân” với nhiệm vụ “tĩnh vi nông, động vi binh”, nghĩa là hòa bình thì làm dân, làm nông, khi có giặc đến thì dân biến thành lính chiến đấu chống giặc. Phần lớn dân cư có nòng cốt là binh lính và chỉ huy quân đội. Từng làng xã được hình thành tổ chức có chỉ huy ngay vì người chỉ huy đã được bố trí sẵn từ lúc rời quê ở miền Bắc. Tại hai huyện Quảng Ninh, Lệ Thủy, Đồng Hới ngày nay (vốn xưa là Lâm Bình) có rất nhiều làng xã lấy họ người chỉ huy, ví dụ: Trần Xá, Ngô Xá, Phan Xá, Châu Xá, Võ Xá, Hữu Phan Xá, Tả Phan Xá, Phú Xá, Mai Xá, Lê Xá... làng của những người chỉ huy, cai quản là của những người chỉ huy họ Trần, Ngô, Phan, Châu, Võ, Phan, Mai, Lê... Theo chữ Hán “Xá” là nơi cư ngụ. Những người chỉ huy khai khẩn, khai canh ra làng, xã đã trở thành Thành hoàng làng. Qua biến thiên lịch sử hàng trăm năm nay, nhiều làng mang tên người chỉ huy khai khẩn đã đổi tên khác. Chỉ còn lại một số làng nói trên còn giữ nguyên, đó là dấu tích xưa còn lại. Ngoài việc đặt tên làng theo họ của người khai khẩn, khai canh, Nhân dân còn đặt tên làng theo nghề nghiệp, ví dụ: Kê Lái, Kê Biển, Kê Nấu, Kê Bún, Kê Cầu...

Năm 1103, có một biến cố xảy ra, Lý Giác (người Diên Châu - Nghệ An) nổi lên chiếm 3 châu, chống lại nhà Lý. Tin cấp báo về kinh đô. Vua cho họp đình thân rồi hỏi: “Ai có thể cầm quân đi đánh dẹp Lý Giác?”. Các quan cử Lý Thường Kiệt. Vua nói: “Lý Giác kiệt hiệt. Ta nên chọn tướng trẻ địch nó. Lý Thường Kiệt dự việc binh đã lâu năm, nay tuổi đã cao, nếu giao việc quân nữa thì Trẫm không đành”. Lý Thường Kiệt liền tâu: “Thần từ trước đã bình Chămpa phạt Tống thành công, đó là nhờ đức của bệ hạ. Nay được nhờ ơn nước, thần được ngôi cao, bổng lộc lớn, nếu cứ ngồi yên xem Lý Giác chống lại triều đình, sát hại Nhân dân thì thần sẽ chết không nhắm mắt. Xin bệ hạ cho thần đi đánh dẹp Lý Giác”. Vua chấp thuận và hạ chỉ cho Lý Thường Kiệt đem quân đi đánh

dẹp Lý Giác. Lý Giác thua chạy vào Chămpa Thành, xui vua Chămpa là Chế Ma Na đem quân đánh chiếm lại 3 châu.

Tháng 2 năm 1104, Lý Thường Kiệt lại xin đem quân đi chiếm lại 3 châu. Vua Chămpa bị đánh bại phải trả lại đất cũ và chịu triều cống. Từ đó 3 châu Bố Chính, Lâm Bình và Minh Linh được bình yên.

Với Đại Việt, Lý Thường Kiệt là nhà chính trị, nhà ngoại giao, nhà quân sự tài ba, giúp nhà vua phá Tống bình Chămpa, giữ yên và mở rộng bờ cõi. Đối với Quảng Bình, công lao của Lý Thường Kiệt thật là to lớn. Từ năm 1069 đến năm 1105, suốt 36 năm liền, Lý Thường Kiệt đã đốc sức lực, trí tuệ tài ba của mình khai canh, đưa vùng đất Quảng Bình ngày nay về lại với Đại Việt, tổ chức làng xã, xây dựng cuộc sống mới, gắn bó với vùng đất này cho đến cuối đời. Lý Thường Kiệt mất tháng 6 năm 1105, thọ 86 tuổi. Điều đáng ghi nhớ là ông đã gắn bó với vùng đất Quảng Bình 36 năm, từ năm 1069 đến năm 1105. Đến tuổi 85 vẫn đem quân cứu nguy cho vùng đất mà chính ông đã khai sinh ra.

Đồng Hới ngày nay có con đường mang tên Lý Thường Kiệt trên đường 1A đi qua thành phố; điểm đầu giáp xã Lý Trạch (huyện Bố Trạch) đến điểm cuối giáp cầu Bắc Thành dài gần 6km. Đây là một con đường lớn và dài của thành phố, xứng với tầm ghi nhớ công tích và công ơn Lý Thường Kiệt. Giá như có một đền thờ Lý Thường Kiệt nữa để cho Nhân dân hàng năm chiêm bái thì hay hơn nhiều. Năm nay là kỷ niệm 915 năm mất của Lý Thường Kiệt (2), bài viết này mong mọi người nhớ đến ông, một danh nhân đất nước, một người khai khẩn, khai canh vùng đất Quảng Bình ■

#### **Tài liệu tham khảo:**

1. Sách “*Việt Nam sử lược*” của Trần Trọng Kim, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2005, thi: Phật Thệ kinh đô Chiêm Thành ở làng Nguyệt Biều, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên (trang 92) xem ra không đúng, không biết tác giả hay là nhà xuất bản, nhà in. Vì không phù hợp với diễn tả cuộc hành quân của Lý Thường Kiệt do ông Hoàng Xuân Hãn viết trên đây và một số sách lịch sử khác.

2. Tác giả chưa tìm ra ngày mất của ông.